

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

(Bổ sung, sửa đổi lần thứ V)

Tháng 4 năm 2012
(Lưu hành nội bộ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



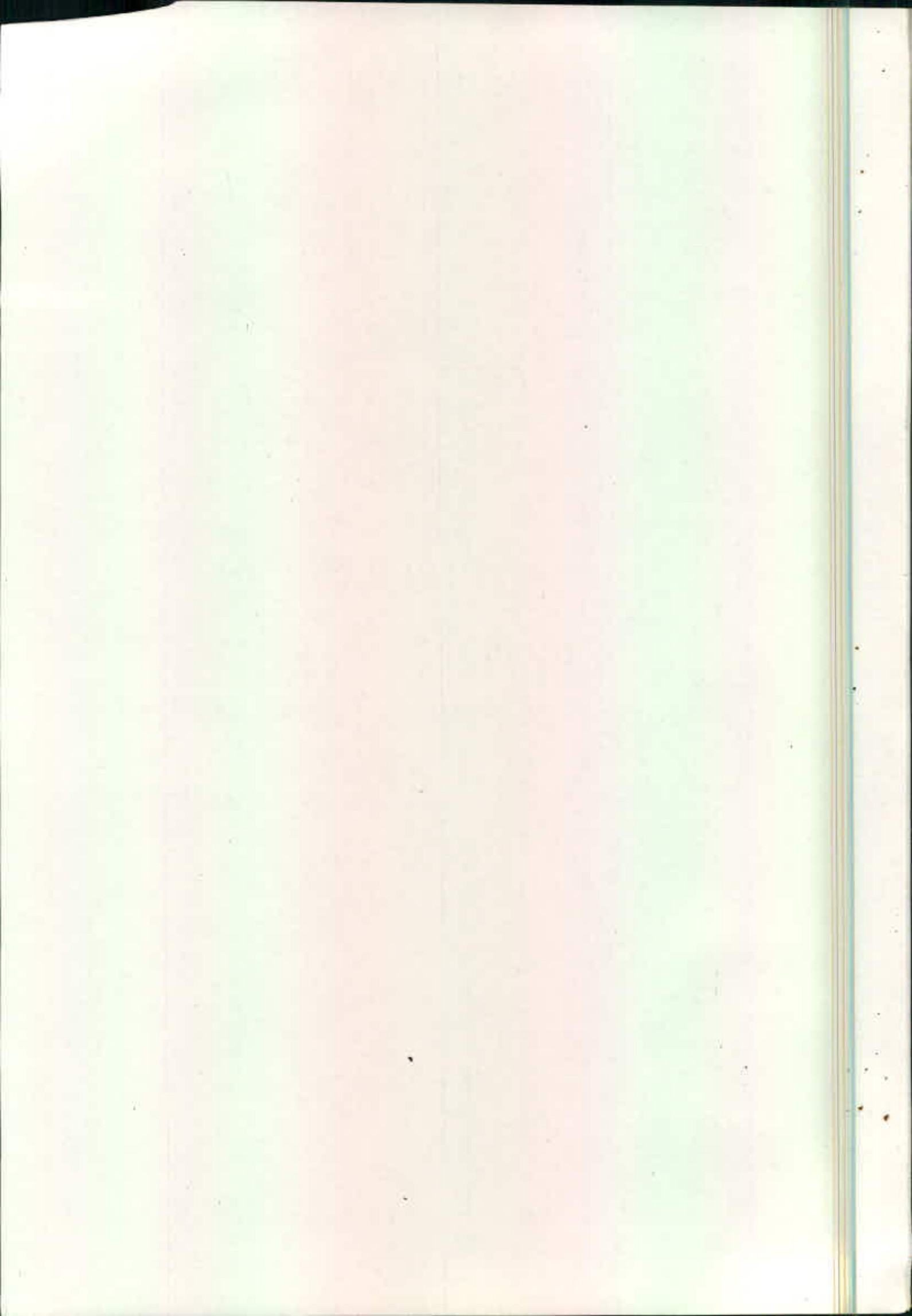
ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

(Bổ sung, sửa đổi lần thứ V)

Tháng 4 năm 2012
(Lưu hành nội bộ)



MỤC LỤC

	Trang
MỤC LỤC:	02
CHƯƠNG I: Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ	04
CHƯƠNG II: Điều khoản chung	05
Điều 1: Tên Công ty và hình thức	05
Điều 2: Trụ sở chính và địa bàn hoạt động	06
Điều 3: Tư cách pháp nhân	06
Điều 4: Mục tiêu và phạm vi sản xuất - kinh doanh của Cty cổ phần	06
Điều 5: Thời hạn hoạt động của Cty cổ phần	07
Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Cty cổ phần miá đường Cần Thơ	07
Điều 7: Tổ chức Đảng CSVN và các tổ chức chính trị khác	07
CHƯƠNG III: Quyền hạn và nghĩa vụ của Cty cổ phần	08
MỤC I: Quyền hạn của Cty cổ phần	08
Điều 8: Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh của Cty cổ phần miá đường Cần Thơ	08
Điều 9: Quyền quản lý và huy động tài chính của Cty cổ phần	09
MỤC II: Nghĩa vụ của Cty cổ phần	09
Điều 10: Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Cty cổ phần	09
Điều 11: Nghĩa vụ quản lý tài chính của Cty cổ phần	10
CHƯƠNG IV: Vốn – Cổ phần – Cổ phiếu – Cổ đông	10
MỤC I: Vốn	10
Điều 12: Vốn điều lệ	10
Mục II: Cổ phần – Cổ phiếu	11
Điều 13: Cổ phần, cổ phiếu	11
Điều 14: Hình thức cổ phiếu	11
Điều 15: Chuyển nhượng cổ phiếu	12
Điều 16: Thừa kế cổ phần	14
Điều 17: Phát hành cổ phiếu	14
MỤC III: Cổ đông	14
Điều 18: Quy định chung về cổ đông	14
Điều 19: Quyền lợi cổ đông	15
Điều 20: Trách nhiệm và nghĩa vụ cổ đông	16
CHƯƠNG V: Tổ chức, quản trị, điều hành và kiểm soát	16
MỤC I: Đại hội cổ đông	16
Điều 21: Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 22: Đại hội đồng cổ đông thành lập	16
Điều 23: Đại hội đồng cổ đông thường niên	17
Điều 24: Đại hội đồng cổ đông bất thường	17
Điều 25: Thể thức triệu tập và tiến hành các Đại hội cổ đông	18
Điều 26: Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19

MỤC II: Hội đồng quản trị	20
Điều 27: Hội đồng quản trị	20
Điều 28: Điều kiện ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 29: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	20
Điều 30: Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị	21
Điều 31: Việc bàn giao và tiếp nhận sau đại hội thành lập	22
Điều 32: Hoạt động của Hội đồng quản trị	22
Điều 33: Trường hợp mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 34: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 35: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị	23
Điều 36: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị	24
MỤC III: Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc	24
Điều 37: Tổng Giám đốc	24
Điều 38: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc	24
Điều 39: Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc	25
Điều 40: Ủy quyền - Ủy nhiệm	26
Điều 41: Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách	26
MỤC IV: Kiểm soát	26
Điều 42: Ban kiểm soát	26
Điều 43: Tiêu chuẩn lựa chọn kiểm soát viên	27
Điều 44: Nhiệm kỳ của kiểm soát viên	27
Điều 45: Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách kiểm soát viên	27
Điều 46: Nhiệm vụ quyền hạn của các kiểm soát viên	28
CHƯƠNG VI: Các chế độ về lao động và quyền lợi của người lao động	29
Điều 47: Chế độ và quyền lợi của người lao động	29
CHƯƠNG VII: Hạch toán, phân phối lợi nhuận & lập quỹ	29
Điều 48: Hạch toán	29
Điều 49: Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ	30
Điều 50: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ	31
CHƯƠNG VIII: Giải thể, thanh lý, tranh tụng	31
Điều 51: Giải thể	31
Điều 52: Thanh lý	31
Điều 53: Tố tụng, tranh chấp	31
CHƯƠNG IX: Điều khoản thi hành và các quy định khác	32
Điều 54: Điều khoản thi hành	32
Điều 55: Con dấu	32
Điều 56: Đăng ký Điều lệ	32
Chữ ký của các thành viên HĐQT và thành viên BKS	33

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MIÁ ĐƯỜNG CẦN THƠ

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 về việc phê chuẩn nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần miá đường Cần Thơ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2005 và Điều lệ đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ I – ngày 27/3/2007; sửa đổi, bổ sung lần thứ II – ngày 06/7/2007; sửa đổi, bổ sung lần thứ III – ngày 11/4/2009; sửa đổi, bổ sung lần thứ IV – ngày 29/4/2010.

Hôm nay, ngày 20 tháng 4 năm 2012 - Chúng tôi những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ VII năm 2012 của Công ty cổ phần miá đường Cần Thơ đã nhất trí thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung lần thứ V năm 2012 của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này là cơ sở pháp lý, chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty cổ phần miá đường Cần Thơ.

CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

1/ Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây :

- “ Hội đồng ” có nghĩa là : Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần.
- “ Đại hội cổ đông ” có nghĩa là : Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền dự họp và có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.
- “ Vốn điều lệ ” có nghĩa là : số vốn tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần do tất cả các cổ đông đóng góp và sở hữu quy định tại Điều 12 của Điều lệ này.

- “ Luật Doanh nghiệp ” có nghĩa là : Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua đang có hiệu lực.
- “ Ngày thành lập ” có nghĩa là : Ngày mà Công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- “ Pháp luật ” là : tất cả các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
- “ Cán bộ quản lý ” có nghĩa là : Thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty.
- “ Những người liên quan ” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4, Khoản 17 của Luật Doanh nghiệp 2005 và Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán năm 2006.
- “ Cổ đông ” có nghĩa là : Cá nhân, thể nhân hay pháp nhân được ghi trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty cổ phần với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
- “ Ngày làm việc ” có nghĩa là : thời gian làm việc trong tuần, từ thứ hai đến thứ sáu.
- “ Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự ” là những người nghiện các chất kích thích hoặc mắc các tình trạng khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.
- “ Vốn có quyền biểu quyết ” là phần vốn góp, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề được Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- “ Cổ tức ” là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Công ty cổ phần để chia cho mỗi cổ đông theo số lượng cổ phần sở hữu.
- “ Ban điều hành công ty ” gồm các chức danh sau : Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

2/ Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3/ Những điều khoản không đề cập hoặc đề cập chưa đầy đủ, rõ ràng, cụ thể sẽ được áp dụng theo đúng Luật Doanh nghiệp 2005 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

CHƯƠNG II ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1 : Tên công ty và hình thức:

1. Tên hợp pháp của công ty viết bằng tiếng Việt : “**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ**”.

Tên giao dịch đối ngoại : **CANTHO SUGAR JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch đối ngoại viết tắt: **CASUCO**

2. Điện thoại : 07113.879.607 – Fax : 07113.879.607

3. E.mail: casuco @ vnn.vn.

4. Biểu tượng (Logo): Như logo hiện nay của Công ty mía đường Cần Thơ: hình thoi màu xanh lá cây nằm ngang có viền cùng màu bao quanh. Giữa có chữ CASUCO màu trắng từ góc trái sang góc phải của hình thoi. Bên dưới cặp theo 2 cạnh hình thoi có dòng chữ Công ty mía đường Cần Thơ.

5. Hình thức : Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Cty mía đường Cần Thơ do Nhà nước quản lý thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc hội của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và ban hành.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ.

Điều 2 : Trụ sở, địa bàn hoạt động:

1. Trụ sở chính của Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ đặt tại số 1284, đường Trần Hưng Đạo, phường 7, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

2. Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ tại thời điểm thành lập có các đơn vị trực thuộc : Xí nghiệp đường Vị Thanh, Nhà máy đường Phụng Hiệp, các Chi nhánh, Cửa hàng giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm tại các nơi : Thành phố Cần Thơ, Thành phố Long Xuyên (tỉnh An Giang), Thành phố Hồ Chí Minh. Văn phòng đại diện công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ.

Điều 3 : Tư cách pháp nhân:

Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ:

- Có đầy đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.
- Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn ghi trong Điều lệ.
- Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.
- Có bảng cân đối kế toán riêng, độc lập và được quyền trích lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết Đại hội cổ đông .

Điều 4 : Mục tiêu và phạm vi sản xuất – kinh doanh của Công ty cổ phần:

1. Mục tiêu:

Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất – kinh doanh và chế biến các loại đường, mật rī ; cung cấp mía giống, các loại sản phẩm phụ của ngành mía đường và

le

các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác; không ngừng tăng cường sức cạnh tranh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo công ăn, việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển ngày càng lớn mạnh Công ty cổ phần.

2. Chức năng kinh doanh của công ty:

- Sản xuất – kinh doanh : các loại đường, đường thô, mật rỉ; Các sản phẩm phụ của ngành mía đường;

- Mở rộng kinh doanh các ngành nghề, lĩnh vực hoạt động khác – nhằm thu nhiều lợi nhuận và phù hợp với những quy định của pháp luật.

3. Sản phẩm chính của Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ: đường cát, đường thô, mật rỉ, mía giống các loại, phân hữu cơ các loại ...

Điều 5 : Thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần :

Thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ là dài hạn (kể từ ngày được cơ quan thẩm quyền cấp giấy phép đăng ký kinh doanh; việc chấm dứt thời kỳ hoạt động của Công ty cổ phần do Đại hội cổ đông quyết định (theo Điều 51 của Điều lệ này).

Điều 6 : Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ:

- Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ hoạt động trên nguyên tắc: *tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.*

- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ là Đại hội đồng cổ đông, Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị để quản trị Công ty cổ phần giữa 2 kỳ đại hội, đồng thời, Đại hội đồng cổ đông bầu ra Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty cổ phần đảm bảo đúng theo Điều lệ và luật pháp.

- Quản lý, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Điều 7 : Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác :

Các tổ chức : Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Hội cựu chiến binh trong Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ được hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ tôn trọng và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

CHƯƠNG III

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

Mục I: QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

Điều 8: Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần miá đường Cần Thơ:

1. Công ty cổ phần miá đường Cần Thơ có quyền độc lập trong quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần.

2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty cổ phần. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc trong Công ty cổ phần nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh chung trong toàn công ty.

3. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững và hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty cổ phần.

4. Đặt Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty cổ phần ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

5. Kinh doanh những ngành, nghề Nhà nước không cấm, có đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước. Được trực tiếp xuất, nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

7. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và các dịch vụ chủ yếu, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước quy định giá.

8. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam.

9. Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần miá đường Cần Thơ.

10. Tuyển chọn, thuê mượn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở cống hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật.

11. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty cổ phần đi công tác nước ngoài phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác của công ty và các quy định của Nhà nước.

12. Các quyền khác theo Luật Doanh nghiệp và hệ thống pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 9 : Quyền quản lý và huy động tài chính của Công ty cổ phần:

1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty cổ phần để phục vụ các nhu cầu trong sản xuất - kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lãi.

2. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất.

3. Phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật. Được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty cổ phần tại các tổ chức tín dụng để vay vốn sản xuất - kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước. Lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định của Nhà nước.

Mục II : NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

Điều 10 : Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần:

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký. Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm do Công ty cổ phần thực hiện.

2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty cổ phần và nhu cầu thị trường.

3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với đối tác.

4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, tạo điều kiện cho người lao động tham gia quản lý Công ty cổ phần thông qua thỏa ước lao động tập thể và các quy chế của Cty cổ phần.

5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng cháy chữa cháy.

6. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo Luật Doanh nghiệp và hệ thống pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 11 : Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty cổ phần:

1. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ ; hạch toán, kế toán – thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần.

2. Bảo toàn và phát triển vốn.

3. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần tại thời điểm thành lập.

4. Công bố các thông tin và báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty cổ phần theo quy định của Nhà nước.

5. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Công ty cổ phần chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của công ty.

CHƯƠNG IV

VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG

Mục 1 : VỐN

Điều 12 : Vốn điều lệ:

1. Vốn điều lệ được đóng góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán, theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng.

2. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần miá đường Cần Thơ là tổng giá trị cổ phần phát hành của công ty theo mệnh giá, bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi hoàn lại, cổ phiếu quỹ và các loại cổ phần khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phát hành theo quy định của pháp luật. Vốn điều lệ có thể thay đổi theo từng thời điểm và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được ghi trên Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

3. Cơ cấu vốn phân theo sở hữu:

Tỷ lệ cơ cấu vốn có thể thay đổi qua quá trình chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông hoặc do Công ty phát hành thêm cổ phiếu theo thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc tăng giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Thủ tục xác nhận vốn điều lệ thực hiện tại Phòng Công chứng Nhà nước tỉnh Hậu Giang.

5. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động sản xuất - kinh doanh như:

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc, trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của công ty cổ phần.

- Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.

- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh.

- Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.

- Sản xuất - kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty cổ phần.

6. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác nhưng không trái pháp luật quy định).

Mục II : CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 13 : Cổ phần, cổ phiếu:

1. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ được chia ra làm nhiều phần bằng nhau. Giấy Chứng nhận quyền sở hữu do Công ty cổ phần phát hành được gọi là cổ phiếu.

2. Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ có mệnh giá tối thiểu bằng 10.000 VND. Từng loại cổ phần có giá trị ngang nhau theo cùng một loại.

3. Trong quá trình hoạt động nếu có nhu cầu tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ sẽ phát hành thêm cổ phiếu. Loại cổ phiếu phát hành phải đúng theo qui định của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 14 : Hình thức cổ phiếu:

1. Cổ phiếu của Công ty cổ phần được phát hành dưới dạng Sổ Chứng nhận sở hữu cổ phần, bìa màu xanh da trời, các trang bên trong có in hình logo của Cty. Sổ cổ phần này theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Mọi cổ phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được đóng dấu Công ty cổ phần.

3. Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ phát hành 02 loại cổ phiếu :

a)- Cổ phiếu phổ thông: là cổ phiếu của loại cổ phần có đầy đủ quyền của cổ đông phổ thông theo luật định. Cổ phiếu phổ thông có 2 loại:

- Cổ phiếu phổ thông ghi danh không chuyển nhượng: là cổ phiếu xác nhận cổ phần phổ thông của các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát trong thời hạn của nhiệm kỳ và sau khi kết thúc nhiệm kỳ một khoản thời gian không được chuyển nhượng theo qui định của luật; và loại cổ phiếu của cổ đông là người lao động được mua trả chậm trong thời gian chưa trả dứt nợ mua cổ phần, hoặc mua giảm giá trong thời hạn chưa quá 36 tháng kể từ khi thành lập công ty cổ phần. Cổ phiếu phổ thông ghi danh không được chuyển nhượng sẽ được chuyển nhượng khi các điều kiện qui định kèm theo không còn, như không còn là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ phần mua nợ mà đã trả hết nợ hoặc cổ phần phổ thông mua giảm giá đã quá hạn 36 tháng hoặc một hoàn cảnh khó khăn đặc biệt sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Cổ phiếu phổ thông ghi danh được chuyển nhượng: là loại cổ phiếu của cổ đông phổ thông không thuộc các đối tượng nêu trên và các cổ phần phổ thông thuộc đối tượng trên nhưng đã hết hạn hoặc hết điều kiện ràng buộc không được chuyển nhượng theo luật định.

b)- Cổ phiếu ưu đãi: là loại cổ phiếu của số cổ phần ưu đãi do công ty phát hành cho một số đối tượng đặc biệt mà ở đó có qui định cụ thể hình thức ưu đãi kèm theo giá trị, quyền và nghĩa vụ của người sở hữu nó. Cổ phiếu ưu đãi bao gồm cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác theo qui định của pháp luật và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Nếu cổ phiếu mờ, rách, hư hỏng, bị mất hoặc vì lý do nào đó không còn phù hợp – có thể xin điều chỉnh hoặc xin đổi cổ phiếu mới theo quy định của Hội đồng quản trị. Cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải chịu mọi phí tổn khi tiến hành việc đổi này.

5. Cổ phiếu phổ thông ghi danh không chuyển nhượng, cổ phiếu phổ thông ghi danh được chuyển nhượng đều bình đẳng trong đề cử, ứng cử, bầu cử và biểu quyết trong đại hội, hưởng cổ tức và các quyền khác theo luật định.

Điều 15 : Chuyển nhượng cổ phiếu:

1. Cổ phần phổ thông của công ty được chuyển nhượng, thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty. Cổ đông muốn bán, chuyển nhượng cổ phần phải có văn bản nêu yêu cầu chuyển nhượng, lý do, số lượng cổ phần cần chuyển nhượng, giá đề xuất ... gửi cho Hội đồng quản trị tại trụ sở chính của Công ty cổ phần (nơi phát hành cổ phiếu) và phải ưu tiên chuyển nhượng hay cầm cố cho các đối tượng theo thứ tự ưu tiên sau : - Cty cổ phần mía đường Cần Thơ - Cổ đông là người

lao động trong doanh nghiệp - Người lao động có hợp đồng không xác định thời hạn trong doanh nghiệp chưa là cổ đông - Nông dân trồng mía và nhà cung ứng mía cho doanh nghiệp - Cổ đông hiện hữu - Đối tượng khác .

Mọi việc chuyển nhượng cổ phần đều phải được kiểm soát của Hội đồng quản trị và phải được điều chỉnh trong Sổ đăng ký cổ đông.

Những trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu không theo quy định này sẽ không được vào Sổ cổ đông. Người sở hữu cổ phiếu trái phép sẽ không được công nhận là cổ đông và không được hưởng các quyền lợi có liên quan kể cả việc chia cổ tức; Phần cổ tức không phải chi trả cho các cổ phiếu trong trường hợp này sẽ được thu giữ vào nguồn thu bất thường của Cty cổ phần; Cty cổ phần không giải quyết các tranh chấp do sang nhượng cổ phiếu trái với quy định này.

2. Cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian đương nhiệm và 02 năm sau khi thôi giữ các chức danh trên thì không được chuyển nhượng (trừ những hoàn cảnh đặc biệt do Đại hội đồng cổ đông quyết định).

3. Cổ phiếu phổ thông bán ưu đãi giảm giá cho người lao động trong doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần và cổ phần phổ thông phát hành thêm bán giá ưu đãi theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong doanh nghiệp chỉ được chuyển nhượng sau 36 tháng kể từ ngày người lao động được mua cổ phần theo giá ưu đãi.

4. Cổ phiếu bán với giá ưu đãi theo phương thức trả dần cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp không được chuyển nhượng khi chưa trả hết nợ cho Nhà nước và chưa quá 36 tháng kể từ ngày thành lập Cty cổ phần.

5. Việc chuyển nhượng cổ phiếu phải phù hợp với qui định tại Điều 14, Mục 2, 3, 4 trên đây của Điều lệ này, được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị xem xét, xử lý việc chuyển nhượng, phát hành thông báo rộng rãi cho các đối tượng nội dung chuyển nhượng .

Hội đồng quản trị hoặc bộ phận được Hội đồng quản trị ủy quyền phát hành thông báo chuyển nhượng cổ phần của cổ đông - Kênh thông tin được thỏa thuận với bên bán cổ phần - chi phí thông tin rao bán cổ phần do bên bán chịu. Cổ đông không được tự rao bán cổ phần của mình bằng bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào.

Trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo rõ lý do cho các cổ đông sở hữu có yêu cầu chuyển nhượng.

6. Người mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ này sẽ trở thành cổ đông của Công ty cổ phần và được hưởng mọi quyền lợi mang lại do tính chất của loại cổ phần mà cổ đông đó sở hữu nhưng không có nghĩa là được kế nhiệm công việc và chức vụ của cổ đông cũ (nếu có).

7. Người nhận cầm cố cổ phần thì chưa là chủ nhân chính thức của cổ phần nên không được hưởng quyền lợi của cổ đông.

Điều 16 : Thừa kế cổ phần:

1. Trường hợp cổ đông qua đời hoặc mất khả năng quyết định, Công ty cổ phần công nhận những người thừa kế theo giấy xác nhận thừa kế của cơ quan chức năng và theo quy định của pháp luật.

2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới, được vào Sổ cổ đông và đương nhiên được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền, trừ chức vụ, công việc của người chuyển quyền.

Trường hợp thừa kế số cổ phần của người lao động trong doanh nghiệp được mua ưu đãi trả dần thì người được thừa kế phải chịu trách nhiệm về khoản trả dần (nếu còn).

Cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, Cty cổ phần báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phát mãi số cổ phần không có sở hữu đó và tiền bán cổ phần sau khi trừ đi chi phí sẽ chi cho công tác từ thiện, do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 17 : Phát hành cổ phiếu:

Việc phát hành thêm cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Mục III : CỔ ĐÔNG

Điều 18 : Quy định chung về cổ đông:

1. Cổ đông của Công ty cổ phần miá đường Cần Thơ là những pháp nhân, thể nhân hoặc cá nhân sở hữu hợp pháp, hợp lệ một hoặc nhiều cổ phần của công ty.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty cổ phần.

3. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại công ty là :

a/ Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần miá đường Cần Thơ là người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ủy quyền.

b/ Người đại diện của cổ đông là pháp nhân hoặc thể nhân khác là người đứng tên trong giấy phép đăng ký kinh doanh của pháp nhân hoặc thể nhân đó; Người đại diện nêu trên, có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện tại Cty cổ phần; Những người được ủy quyền này, không được ủy quyền cho người khác làm đại diện trước pháp luật cho cổ đông đó tại Cty cổ phần.

c/ Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho cổ đông khác có đủ năng lực pháp luật và có năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty cổ phần.

d/ Việc ủy quyền nêu tại Điểm b và c trên phải được thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần.

u

d/ Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất, chia tách từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành cho cổ đông mới. Trường hợp cổ đông pháp nhân, thể nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân, thể nhân hoặc cá nhân khác theo Điều 15 của Điều lệ này.

Điều 19 : Quyền lợi cổ đông:

1. Được chia cổ tức theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp.
 2. Được ưu tiên mua cổ phần khi Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu.
 3. Được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo Điều lệ Công ty cổ phần.
 4. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông; Quyền biểu quyết tương ứng với phần vốn góp; Trong trường hợp đặc biệt, nhằm đảm bảo điều kiện tổ chức đại hội như: Hội trường, tài liệu ..v.v.. Hội đồng quản trị có thể giới hạn số lượng đại biểu cổ đông tham dự đại hội theo hình thức triệu tập đại biểu cổ đông. Cổ đông sẽ thực hiện quyền dự đại hội thông qua người đại diện theo tỷ lệ do Ban tổ chức đại hội quy định. Cổ đông sở hữu hoặc đại diện từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục 6 tháng trở lên được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty cổ phần tại Đại hội đồng cổ đông.
 5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý công ty theo Điều 119 của Luật Doanh nghiệp năm 2005.
 6. Được chia tài sản còn lại (nếu có), khi Công ty cổ phần giải thể, hoặc phá sản theo tỷ lệ tương ứng với số vốn góp. Cổ phần ưu đãi hoàn lại được hoàn lại trước so với cổ phần phổ thông theo mệnh giá trên số cổ phần ưu đãi hoàn lại đang sở hữu.
 7. Cổ đông phổ thông được ủy quyền cho cổ đông khác tham dự Đại hội đồng cổ đông; cổ đông có thể ủy quyền cho người khác nhận cổ tức.
- Mọi sự ủy quyền nói trên đều phải bằng văn bản có giá trị pháp lý, phải là bản chính và chỉ có giá trị sử dụng một lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
- Việc thu hồi giấy ủy quyền chỉ được xem là hợp lệ khi văn bản đề nghị thu hồi đã được Hội đồng quản trị tiếp nhận và nội dung ủy quyền chưa được thực hiện.

Điều 20 : Trách nhiệm và nghĩa vụ cổ đông:

1. Góp đủ vốn cổ phần đã đăng ký.
2. Chấp hành Điều lệ của Công ty cổ phần.
3. Thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội cổ đông. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc công ty thông qua đại diện hợp pháp của mình.
4. Chịu trách nhiệm về số lỗ (nếu có) của Công ty cổ phần tương ứng với số cổ phần mình sở hữu và chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty cổ phần trong phạm vi số cổ phần của mình.
5. Không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần nhưng phải theo đúng qui định tại Điều 15 của Điều lệ này hoặc đối với cổ phần ưu đãi hoàn lại.
6. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty cổ phần.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

MUCI: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 21 : Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần bao gồm : Đại hội cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham gia tối thiểu quy định tại các Điều 22, 23, 24 của Điều lệ này.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chỉ có giá trị khi được các cổ đông và đại diện nắm giữ trên 51% tổng số cổ phần bỏ phiếu hợp lệ tại Đại hội thông qua.

Điều 22 : Đại hội đồng cổ đông thành lập:

1. Thành viên chính thức tham gia Đại hội cổ đông thành lập là các cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu cho ít nhất 1.000 cổ phần.
2. Đại hội cổ đông thành lập chỉ hợp lệ khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 2/3 số vốn điều lệ.
3. Đại hội cổ đông thành lập có nhiệm vụ:
 - Thảo luận và thông qua Điều lệ.
 - Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Thông qua các kết quả bầu các chức danh : Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát.
- Thông qua phương án sản xuất kinh doanh dài hạn của Cty cổ phần.
- Quyết định các vấn đề khác do đại hội thảo luận.

Điều 23 : Đại hội đồng cổ đông thường niên:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn chậm nhất là 120 (Một trăm hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên hợp lệ khi có số cổ đông tham gia :

Đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết, trường hợp triệu tập lần thứ nhất không đạt được tỷ lệ theo qui định thì được triệu tập lần thứ hai với từ 51% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết; nếu triệu tập lần hai cũng chưa đạt tỷ lệ theo qui định thì được triệu tập lần thứ ba không phụ thuộc vào tỷ lệ.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông thường niên :

- Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của các kiểm soát viên.
- Thông qua đề nghị của Hội đồng quản trị về quyết toán năm tài chính; Phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ.
- Thông qua phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới.
- Quyết định tăng giảm vốn điều lệ, gọi vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu.
- Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kiểm soát viên gây thiệt hại cho Cty cổ phần.
- Bầu thành viên Hội đồng quản trị và kiểm soát viên nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế Hội đồng quản trị và kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ.
- Ấn định mức thù lao, các quyền lợi của Hội đồng quản trị và kiểm soát viên.
- Thông qua Điều lệ bổ sung, sửa đổi (nếu có).
- Quyết định các vấn đề khác do đại hội đặt ra.

Điều 24 : Đại hội đồng cổ đông bất thường:

1. Lý do và điều kiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường theo yêu cầu của một hoặc một nhóm người sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Trên 50% thành viên Hội đồng quản trị.
- Kiểm soát viên trưởng hoặc 2/3 kiểm soát viên.

- Nhóm cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần trở lên (theo Mục 5, Điều 19 của Điều lệ này).

Sau 30 (ba mươi) ngày có yêu cầu triệu tập đại hội theo các điều kiện trên nhưng Hội đồng quản trị không triệu tập đại hội thì Trưởng Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập đại hội; Nếu Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập thì nhóm cổ đông có yêu cầu theo quy định có quyền đứng ra triệu tập đại hội.

2. Đại hội cổ đông bất thường được phép tiến hành khi có đủ các điều kiện và hoàn cảnh như Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông bất thường:

- Nghị quyết xử lý các vấn đề bất thường.
- Bãi miễn và bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên vi phạm Điều lệ gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty cổ phần.
- Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.

Điều 25 : Thể thức triệu tập và tiến hành các Đại hội cổ đông:

1. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được gửi bằng thư cho các cổ đông trước ít nhất 07 ngày làm việc và đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Thông báo triệu tập Đại hội cổ đông phải kèm theo dự thảo chương trình nghị sự, thể lệ biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2.1- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có đủ điều kiện được qui định tại Khoản 5 Điều 19 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc đại hội, kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

2.2- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị được qui định tại Khoản 2.1 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2.3- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị qui định tại Khoản 2.1 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp trừ trường hợp qui định tại Khoản 2.2 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. Những cổ đông là cá nhân không đến dự đại hội được phép ủy quyền cho cổ đông khác làm đại diện thay thế và người đại diện không được ủy quyền cho đại diện lần 2; Cổ đông là pháp nhân, thể nhân không đến dự đại hội được thì có thể ủy quyền

le

cho thành viên khác thuộc pháp nhân, thể nhân đó hoặc cổ đông khác thay thế và không được ủy quyền lại cho người thứ 3.

4. Ban tổ chức đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự đại hội, niêm yết danh sách đại biểu tham dự chính thức và phát hành thư mời **chậm nhất 7 ngày làm việc** trước khi tiến hành đại hội (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).

5. Đại hội thường niên hoặc đại hội bất thường do Hội đồng quản trị triệu tập thì Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể ủy quyền bằng văn bản cho một ủy viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Đại hội đồng cổ đông thành lập thì sáng lập viên đại diện vốn Nhà nước, Trưởng Ban đổi mới – Giám Đốc Cty mía đường làm chủ tọa. Đại hội bất thường do Ban kiểm soát triệu tập thì Trưởng Ban kiểm soát làm chủ tọa.

6. Đại hội bầu Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu.

7. Biên bản Đại hội cổ đông được ghi vào sổ biên bản, có chữ ký của Chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát (trừ trường hợp đại hội do nhóm cổ đông triệu tập theo Mục 1 Điều 24 của Điều lệ này), Thư ký và 2 kiểm phiếu viên, hoặc 2 Ủy viên Hội đồng quản trị.

8. Đại biểu đương nhiên dự Đại hội cổ đông thường niên và bất thường là các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

9. Tất cả các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành tại trụ sở chính của Cty cổ phần mía đường Cần Thơ hoặc nơi khác do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 26: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

a/ Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

b/ Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Cty, tổ chức lại, giải thể Cty, bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Cty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

3/ Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì cũng phải đạt tỷ lệ tương tự như Khoản 2 nêu trên.

4/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định được thông qua và được niêm yết tại trụ sở công ty .

5/ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

6/ Phiếu biểu quyết tại Đại hội đối với bỏ phiếu kín sau khi có biên bản kiểm phiếu được Tổ kiểm phiếu niêm phong và lưu giữ tại Văn thư của Cty cổ phần và chỉ được mở bởi quyết định của Tòa án, khi cần thiết để giải quyết các khiếu kiện về kết quả kiểm phiếu, thời hạn lưu giữ: 180 ngày.

MUC II: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27 : Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty cổ phần giữa 2 kỳ Đại hội cổ đông.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là **năm (05) người** và nhiều nhất là **mười một (11) người**. Số lượng thành viên HĐQT của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong đó, số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không nằm trong Ban điều hành chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế theo phương thức bầu dồn phiếu.

3. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch theo thể thức bỏ phiếu kín, tỷ lệ tính theo phiếu bầu. Trường hợp có phiếu bầu ngang nhau thì sẽ xét đến số cổ phần đại diện ủng hộ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo nguyên tắc đa số. Các trường hợp khác không giải quyết được thì do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và một Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị có nhiệm vụ giải quyết các công việc hàng ngày.

Điều 28 : Điều kiện ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a)- Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện như sau:

1. Là cổ đông cá nhân hoặc pháp nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết hoặc đối tượng khác có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong những ngành nghề SXKD chủ yếu của công ty.

2. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

3. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

b)- Thành viên của Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần, hoặc Hội đồng quản trị của các tổ chức kinh tế liên quan bằng vốn góp của Cty cổ phần mía ường Cần Thơ.

Điều 29 : Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị:

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là **5 năm**, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với

số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

2. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 1/3 thành viên cũ.

3. Trong nhiệm kỳ, Đại hội cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.

Điều 30 : Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Cty, có toàn quyền nhân danh Công ty cổ phần miá đường Cần Thơ để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a/ Quyết định chiến lược phát triển của công ty.

b/ Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c/ Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

d/ Quyết định phương án đầu tư.

đ/ Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị $\geq 25\%$ tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Cty.

e/ Bổ nhiệm, miễn nhiệm cách chức Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý quan trọng khác của Cty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó.

g/ Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Cty, quyết định thành lập Cty con, lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác, quyết định cử người đại diện phần vốn góp của Cty tại doanh nghiệp khác.

h/ Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

i/ Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

k/ Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Cty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.

l/ Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

m/ Công ty cổ phần có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán; Hội đồng quản trị có quyền mua lại không quá 10% tổng số cổ phần

phổ thông đã chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

n/ Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Cty hoặc yêu cầu phá sản Cty.

Điều 31 : Việc bàn giao và tiếp nhận sau Đại hội thành lập:

Sau khi Đại hội cổ đông thành lập, những người được bầu vào các chức danh Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu của Công ty cổ phần và các công việc còn lại của Ban đổi mới tại doanh nghiệp. Hội đồng quản trị hoàn tất những công việc, những thủ tục còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những công việc đó.

Điều 32 : Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất 1 lần mỗi quý, khoảng cách giữa 2 kỳ họp cũng không quá 3 tháng.

2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ít nhất 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị.
- Trưởng Ban kiểm soát.
- Tổng Giám đốc Công ty cổ phần.

3. Các hình thức khi thông qua quyết định của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có quyền thông qua quyết định bằng việc tiến hành họp, hoặc bằng hỏi ý kiến thông qua thư tín, qua fax.

a/ Quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

- Cuộc họp Hội đồng quản trị được xem là hợp lệ khi do Chủ tịch HĐQT chủ trì hoặc ủy quyền chủ trì và có 3/4 số thành viên trở lên tham dự.

- Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo đa số thành viên dự họp đồng ý. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị là quyết định cuối cùng.

b/ Quyết định của Hội đồng quản trị bằng hỏi ý kiến:

Thế thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị bằng hỏi ý kiến thông qua thư tín hoặc fax được thực hiện thông qua theo đa số thành viên và Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo lại cho các thành viên khác nắm ngay sau đó.

4. Những quyền lợi kinh tế thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị nào thì thành viên Hội đồng quản trị đó không được tham gia biểu quyết.

5. Mọi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều được ghi trong biên bản và biên bản phải được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký.

Điều 33 : Trường hợp mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm Điều 28 của Điều lệ này.
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- c) Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận.
- d) Chết, mất trí, mất quyền công dân.
- e) Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân (nếu là đại diện cho cổ đông pháp nhân).
- f) Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân (nếu là đại diện cho cổ đông pháp nhân).
- g) Cty cổ phần bị giải thể theo các quyết định của Tòa án.
- h) Bị Đại hội cổ đông bãi nhiệm.

Điều 34 : Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty cổ phần. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị họp cử người lên thay.

3. Trường hợp khuyết trên 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị thì phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung trong thời hạn 60 ngày.

Mọi trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị, do Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

Điều 35 : Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện cho Công ty cổ phần trước pháp luật, có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

a/ Triệu tập các phiên họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và chủ tọa các cuộc họp trên.

b/ Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các buổi họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

c/ Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty cổ phần.

d/ Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình.

lu

e/ Có thể kiêm Tổng Giám đốc Cty cổ phần

2. **Thành viên Hội đồng quản trị** trực tiếp thực thi những nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a/ Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần trong từng thời kỳ.

b/ Được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty cổ phần cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty cổ phần để thực hiện nhiệm vụ của mình.

c/ Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình.

d/ Thực hiện Điều lệ của Công ty cổ phần và Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

đ/ Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của luật pháp hiện hành.

Điều 36 : Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thù lao của các Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng hàng tháng và được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê chuẩn cho từng năm.

2. Mọi chi phí hoạt động nhằm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty cổ phần theo quy chế tài chính của Cty cổ phần.

MỤC III : BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 37 : Tổng Giám đốc:

1. Tổng Giám đốc là người quản lý điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần; Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, Tổng Giám đốc không nhất thiết là cổ đông và có thể là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về trách nhiệm quản lý, điều hành Công ty cổ phần.

3. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

Điều 38 : Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc:

1. Có trình độ Đại học trở lên thuộc các ngành kinh tế – kỹ thuật, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý công ty, hiểu biết pháp luật.

2. Không kiêm nhiệm bất cứ chức vụ quản trị, điều hành nào tại các doanh nghiệp khác trừ các doanh nghiệp do Cty cổ phần mía đường Cần Thơ góp vốn.

3. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo qui định của pháp luật.

Điều 39 : Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc:

1. Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Điều lệ Công ty cổ phần và tuân thủ pháp luật.

2. Bảo toàn và phát triển vốn thực hiện theo phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và thông qua Đại hội cổ đông.

3. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch dài hạn và kế hoạch hằng năm.

4. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định).

5. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất kinh doanh.

6. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

7. Quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh còn lại.

8. Ký kết các hợp đồng kinh tế theo qui định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp năm 2005.

9. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần.

10. Thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm, chọn đơn vị kiểm toán phải được sự thỏa thuận và thống nhất của Ban kiểm soát.

11. Đại diện Công ty cổ phần trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty cổ phần khi được Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản.

12. Tổng Giám đốc là người có quyền quyết định cao nhất về quản lý và điều hành của Công ty cổ phần trong phạm vi cho phép của Hội đồng quản trị.

13. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay các thành viên của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của Đại hội cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát.

14. Tuyển dụng, thuê mượn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của Hội đồng quản trị thông qua, khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp với Bộ luật Lao động.

15. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố ... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

16. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty cổ phần.

17. Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định theo Luật Doanh nghiệp.

Điều 40 : Ủy quyền – Ủy nhiệm:

1. Tổng Giám đốc Công ty cổ phần có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty cổ phần và chịu trách nhiệm pháp lý trước sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình.

2. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền – ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy quyền, ủy nhiệm lại cho người khác.

3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu của Công ty cổ phần phải được thực hiện bằng văn bản.

4. Các Trưởng Phòng, Ban trong Công ty cổ phần có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình.

Điều 41 : Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách:

1. Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định. Mọi trường hợp khác sẽ giải quyết theo Bộ luật Lao động.

2. Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Chết, mất trí, mất quyền công dân.
- Tự ý bỏ nhiệm sở theo Luật Lao động, không có lý do chính đáng.
- Bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm.

3. Trường hợp Tổng Giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để thay thế.

Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

MUC IV : KIỂM SOÁT

Điều 42 : Ban kiểm soát:

1. Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty cổ phần.

2. Ban kiểm soát gồm có 3 người do Đại hội cổ đông bầu và bãi miễn theo phương thức tương tự như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các kiểm soát viên tự đề cử một người là Trưởng Ban kiểm soát và được Đại hội đồng cổ đông chuẩn y.

4. Sau Đại hội đồng cổ đông thành lập, các kiểm soát viên thực hiện việc kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập Công ty cổ phần.

Điều 43 : Tiêu chuẩn lựa chọn kiểm soát viên:

1. Phải từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ, am hiểu tình hình hoạt động, kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của công ty, trong Ban kiểm soát có ít nhất một kiểm soát viên phải có nghiệp vụ về tài chính kế toán. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

3. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý trong công ty (như thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cổ phần), không thể là vợ chồng hoặc người thân thuộc trực hệ 3 đời của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cổ phần.

4. Không thuộc đối tượng sau đây :

Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vì vi phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

Điều 44 : Nhiệm kỳ của kiểm soát viên:

1. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.

2. Trong nhiệm kỳ có khiếm khuyết kiểm soát viên thì Đại hội cổ đông gần nhất phải bầu thay thế, bổ sung theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

Điều 45 : Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách kiểm soát viên:

1. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức, kiểm soát viên muốn từ nhiệm đều phải làm đơn cho Hội đồng quản trị.

2. Kiểm soát viên bị mất tư cách khi vi phạm một trong các trường hợp như đối với thành viên Hội đồng quản trị và các trường hợp ghi ở Mục 2, 3 Điều 43 của Điều lệ này.

W

3. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban kiểm soát thì số kiểm soát viên còn lại cử người thay thế tạm thời và báo cho HĐQT nắm, đồng thời thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất để chuẩn y hoặc bầu người thay thế.

4. Trường hợp khuyết kiểm soát viên có nghiệp vụ về tài chính kế toán, Hội đồng quản trị phải tạm thời cử người thay thế cho đến khi triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

Điều 46 : Nhiệm vụ quyền hạn của các kiểm soát viên:

1. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc.

2. Mỗi kiểm soát viên dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền hạn như sau :

a/ Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, quyết toán năm tài chính của Công ty cổ phần và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có).

b/ Được quyền yêu cầu các Phòng, Ban nghiệp vụ của Công ty cổ phần cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần.

c/ Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm tra bảng tổng kết năm tài chính.

d/ Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty cổ phần theo ý kiến độc lập của mình. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về trách nhiệm của kiểm soát viên.

e/ Thông báo định kỳ tình hình kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị.

f/ Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

g/ Trưởng Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Việc kiểm tra quy định tại các Điểm a, b của Điều khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Cty cổ phần.

3. Quyền lợi của kiểm soát viên tương tự như đối với thành viên Hội đồng quản trị ở Điều 36 của Điều lệ này.

CHƯƠNG VI

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 47 : Chế độ và quyền lợi của người lao động:

1. Chế độ tuyển dụng, sử dụng lao động, trả lương:

Việc tuyển dụng, sử dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty cổ phần, giữa Tổng Giám đốc Cty cổ phần (hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty cổ phần:

- Người lao động đang làm việc cho doanh nghiệp Nhà nước theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang Công ty cổ phần sẽ được ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Đối với số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì được giải quyết theo chế độ hiện hành.

- Khi chuyển sang Công ty cổ phần, mọi chế độ như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định của pháp luật được Công ty cổ phần tiếp tục thực hiện.

CHƯƠNG VII

HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 48 : Hạch toán:

1. Năm tài chính của Công ty cổ phần bắt đầu ngay từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty cổ phần được chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

2. Công ty cổ phần thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng Luật Kế toán và các chuẩn mực kế toán hiện hành.

3. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.
- Báo cáo tài chính.
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành của công ty.

Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít nhất **trước 07 ngày** của kỳ Đại hội thường niên.

4. Sau đại hội, các văn bản, biên bản Đại hội cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty cổ phần theo luật định.

Điều 49 : Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ:

1. Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty cổ phần gồm :

- Lợi nhuận trước thuế = Tổng doanh thu – Tổng chi phí.
- Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế – Thuế thu nhập DN.

2. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, phải trích lập các quỹ:

a) Quỹ dự phòng tài chính: Mục đích dùng để:

- Bù đắp khoản lỗ của công ty (nếu có)
- Bù đắp những tổn thất của công ty như: Thiên tai; hỏa hoạn; biến động bất lợi về kinh tế tài chính trong nước

b) Quỹ đầu tư phát triển: Mục đích dùng để: Mở rộng đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh chiều sâu; nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật; đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động.

c) Quỹ khen thưởng của Ban điều hành: Mục đích dùng để thưởng cho Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc và Cán bộ chủ chốt có thành tích xuất sắc trong hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.

d) Quỹ khen thưởng & phúc lợi: Mục đích dùng để khen thưởng cho người lao động trong công ty; xây dựng các công trình công cộng, mua sắm trang bị phương tiện nhằm phục vụ lợi ích tập thể, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

e) Quỹ phúc lợi xã hội: Mục đích dùng để chi cho các hoạt động đóng góp hỗ trợ xã hội ngoài phạm vi người lao động như hỗ trợ xây dựng địa phương, các hoạt động từ thiện khác

Mức trích cụ thể cho từng loại quỹ hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định, theo tình hình cụ thể hàng năm thông qua đề xuất của Hội đồng quản trị công ty.

f/ Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông quyết định.

3. Các quỹ đã trích vào chi phí không hình thành từ lợi nhuận:

- Quỹ bảo hành sản phẩm.
- Quỹ khấu hao tài sản cố định.
- Quỹ khấu hao sửa chữa lớn tài sản.
- Các quỹ khác như : mất việc làm ...

4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội cổ đông quyết định cho từng năm.

5. Số cổ tức hàng năm được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ phần vốn góp. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn từng quý, 6 tháng hoặc cuối năm tài chính. Cổ tức có

thể được chi trả bằng tiền mặt, chuyển khoản, lệnh trả tiền gửi qua đường Bưu điện, bằng thẻ ATM hoặc bằng cổ phiếu của công ty.

Điều 50 : Xử lý khi kinh doanh thua lỗ:

Trường hợp kinh doanh thua lỗ Hội đồng quản trị đề trình Đại hội cổ đông quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau.
- Các biện pháp khác để khắc phục.

CHƯƠNG VIII

GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG

Điều 51 : Giải thể:

Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ giải thể trong các trường hợp sau đây:

1. Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị đề nghị và được Đại hội cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty cổ phần.
2. Quyết định của Tòa án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52 : Thanh lý:

1. Khi có quyết định giải thể Công ty cổ phần, Đại hội cổ đông lập Hội đồng thanh lý để cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Công ty cổ phần theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
2. Trong thời gian thanh lý, các thanh lý viên và kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập Đại hội cổ đông khi xét thấy cần thiết.

Điều 53 : Tố tụng, tranh chấp:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện cho Công ty cổ phần trước pháp luật và được ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty cổ phần trong mọi giai đoạn tranh tụng.
2. Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng tranh chấp.
3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty cổ phần đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng Nhà nước theo pháp luật hiện hành.
4. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại trước Hội đồng quản trị đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong

Công ty cổ phần gây ra. Nếu Hội đồng quản trị bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 54 : Điều khoản thi hành:

Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ được chính thức hoạt động khi Đại hội cổ đông thành lập đã làm đủ các thủ tục sau đây:

- Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết các cổ phần phát hành và cam kết đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép trong thời gian nhất định bán hết số cổ phần còn lại.

- Đã bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cử Tổng Giám đốc điều hành.

- Đại hội cổ đông đã thảo luận và chấp thuận toàn bộ các điều khoản trong bản Điều lệ này.

- Đã giao quyền quản trị Công ty cổ phần cho Hội đồng quản trị.

- Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan Nhà nước theo luật pháp hiện hành.

Điều 55 : Con dấu:

- Con dấu của Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan Công an có thẩm quyền - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang và thông báo đến các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 56 : Đăng ký Điều lệ:

Bản Điều lệ này gồm có 9 Chương và 56 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ thông qua lần đầu ngày 29 tháng 4 năm 2005 và được bổ sung, sửa đổi lần thứ V thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ VII năm 2012, ngày 20 tháng 4 năm 2012.

Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước tỉnh Hậu Giang.

- 05 bản đăng ký tại các cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Hậu Giang.

- 04 bản lưu trữ tại Văn Phòng Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ, trong đó HĐQT giữ 01 bản, Ban kiểm soát giữ 01 bản, Tổng Giám đốc giữ 01 bản và 01 bản lưu ở Văn thư lưu trữ của Cty cổ phần.

Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký sống của Chủ tịch Hội đồng quản trị và đóng dấu giáp lai mới có giá trị.

Hậu Giang, ngày 20 tháng 4 năm 2012

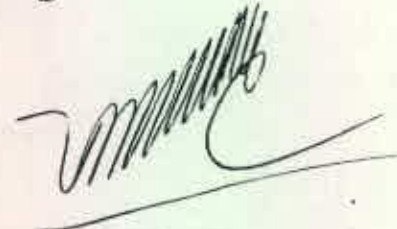
CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÝ TÊN



Nguyễn Thành Long



Trần Thị Thái



Võ Thị Kim Dung



Nguyễn Thanh Nhàn



Phạm Quang Vinh

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT KÝ TÊN



Trần Văn Hùng



Nguyễn Văn Thành



Huỳnh Thanh Thế

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thành Long